

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HS-ST
Ngày: 29-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T – TỈNH LONG A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc A

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Phi L – Phó hiệu trưởng Trường THPT Tân T
2. Bà Nguyễn Thị Vân K – Hiệu trưởng Trường THCS thị trấn Tân T

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn T – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2022, đối với:

Bị cáo: **Phạm Duy P**, sinh ngày: 26/11/2001; Nơi sinh: tỉnh Tiền G; Nơi cư trú: Ấp Hòa Đ, xã Hòa K, huyện Cái B, tỉnh Tiền G; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T2, sinh năm 1975 và bà Trương Thị Trúc L1, sinh năm 1981; chưa có vợ, con; Tiền án: không, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/6/2022 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 01/01/2006. Địa chỉ: Ấp Mỹ Chánh B, xã Mỹ H, huyện Cái B, tỉnh Tiền G (vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Đoàn Thị L, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Ấp Mỹ Chánh B, xã Mỹ H, huyện Cái B, tỉnh Tiền G (có mặt).

+ Nguyễn Văn T, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Ấp Mỹ Chánh B, xã Mỹ H, huyện Cái B, tỉnh Tiền G (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Nguyễn Văn T, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Ấp Mỹ Chánh B, xã Mỹ H, huyện Cái B, tỉnh Tiền G (có mặt).

+ Trương Thị Trúc L1; sinh ngày: 04/09/1981. Địa chỉ: Ấp Hòa Đ, xã Hòa K, huyện Cái B, tỉnh Tiền G (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm: 1980 – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Long A. Địa chỉ: Số 231, đường số 12, phường 6, thành phố Tân A, tỉnh Long A (có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Nguyễn Văn Hoài A, sinh ngày: 02/02/1990.

HKTT: Ấp Bình P, xã Bình P, huyện Cai L, tỉnh Tiền G;

Nơi cư trú: Số 217; ấp Đông N, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long A (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

+ Nguyễn Thị H, sinh năm: 1979;

HKTT: Ấp 4, xã Thanh A, huyện Thanh H, tỉnh Long A;

Nơi cư trú: Ấp Cá T, xã Kiên B, huyện Tân T, tỉnh Long A (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 02 năm 2021, Phạm Duy P quen biết với Nguyễn Thị Kim N, qua mạng xã hội Facebook và có nảy sinh tình cảm với nhau. Vào ngày 27/02/2021, N gọi điện thoại rủ P đi viếng chùa Thiền Viện Trúc Lâm Chánh G tại huyện Tân P, tỉnh Tiền G. Khoảng 10 giờ ngày 27/02/2021, P chạy xe mô tô hiệu RAIDER biển số 63D1-086.54 chở N ngồi phía sau đi viếng chùa, đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì cả hai đi về, P điều khiển xe mô tô chở N ngồi phía sau mở ứng dụng Google Map trên điện thoại di động để tìm đường gần nhất chạy về, đi được khoảng 30 phút thì trời mưa nên P chở N vào nhà nghỉ “Bình N” thuộc ấp Đông N, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long A (nay là nhà nghỉ “Minh Anh”) thuê phòng số 2 để nghỉ. Tại đây cả hai tự nguyện giao cấu với nhau 03 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Sau khi vào phòng P và N nằm nói chuyện khoảng 15 phút thì P nảy sinh ý định giao cấu với N, được N đồng ý, sau đó P tự cởi quần áo của P ra khỏi người rồi cởi áo khoác của N, N tự cởi quần áo của N ra khỏi người, sau đó P sử dụng bao cao su có sẵn trong phòng nghỉ và thực hiện hành vi giao cấu với N

khoảng 10 phút, P xuất tinh vào bao cao su, sau đó P mở bao cao su bỏ vào sọt rác trong phòng, cả hai không mặc quần, áo P nằm ôm N nói chuyện.

Lần thứ hai: Sau lần giao cấu thứ nhất khoảng 30 phút, P tiếp tục nảy sinh ý định giao cấu với N thì được N đồng ý. P thực hiện hành vi giao cấu với N khoảng 10 phút, P xuất tinh trong âm đạo của N, sau đó cả hai không mặc quần, áo và tiếp tục nói chuyện.

Lần thứ ba: Sau lần giao cấu thứ hai khoảng 40 phút, P tiếp tục nảy sinh ý định giao cấu với N thì được N đồng ý. P thực hiện hành vi giao cấu với N khoảng 10 phút, P xuất tinh trong âm đạo của N, sau đó cả hai vào nhà vệ sinh tắm. Đến khoảng 16 giờ 40 phút cùng ngày, P trả tiền thuê phòng và chở N về nhà.

Ngoài 03 lần P và N giao cấu với nhau vào ngày 27/02/2021, tại nhà nghỉ “Bình N”. Đến khoảng giữa tháng 3/2021, ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thị L (cha mẹ ruột của N) phát hiện N có thai nên ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thị L và bà Trương Thị Trúc L1 (mẹ ruột P) thống nhất đồng ý cho P và N sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 05/6/2021 dương lịch (âm lịch là ngày 25/4/2021). Trong thời gian P sống chung như vợ chồng với N từ ngày 05/6/2021 đến cuối năm 2021 tại nhà ông Nguyễn Văn T thuộc ấp Mỹ Chánh B, xã Mỹ H, huyện Cái B, tỉnh Tiền G, P và N tự nguyện giao cấu với nhau khoảng 05-06 lần nhưng không nhớ thời gian và tư thế từng lần cụ thể. Các lần giao cấu trên P xuất tinh trong âm đạo của N. Khoảng đầu tháng 01/2022, P đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê. Đến ngày 10/02/2022, P đón N về sống chung phòng trọ của P tại địa chỉ 71/65/7-9 Nguyễn Bắc, phường 3, quận Tân B, thành phố Hồ Chí Minh nhưng không có giao cấu với nhau. Ngày 15/3/2022, ông Nguyễn Văn T tìm được P và N, sau đó đến Công an Phường 3, Quận Tân B, thành phố Hồ Chí M tố giác Phạm Duy P. Quá trình điều tra P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Ngoài ra, qua điều tra còn xác định được: trước khi có mối quan hệ tình cảm và giao cấu với P thì Nguyễn Thị Kim N có mối quan hệ tình cảm với Nguyễn Đăng Hữu V, cư trú tại Ấp Hòa P, xã Hòa K, huyện Cái B, tỉnh Tiền G. Vào khoảng giữa tháng 9/2020 đến đầu tháng 12/2020, Nguyễn Đăng Hữu V, có hành vi giao cấu Nguyễn Thị Kim N 02 lần tại nhà của Vinh.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tình dục số 08/TD.22-PY ngày 29/3/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Long A. Kết luận Nguyễn Thị Kim N: Khám ngoài toàn thân không phát hiện tổn thương cơ thể. Vùng vú, bẹn, đùi không phát hiện tổn thương. Màng trinh hình răng cưa, rách cũ vị trí 3 giờ, 9 giờ, 6 giờ, 12 giờ. Có tổn thương cũ sẹo cắt may tầng sinh môn (trong quá trình sinh con).

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 01/ĐT.22 ngày 14/4/2022 của Trung tâm pháp y thành phố Hồ Chí M. Kết luận: Qua quá trình khám lâm sàng và kết quả cận lâm sàng xác định tại thời điểm giám định đương sự Nguyễn Thị Kim N có độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 16 tuổi 06 tháng.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về ADN số 3.074-2022/ADN ngày 01/4/2022 của Trung tâm pháp y thành phố Hồ Chí Minh. Kết luận: Phạm Duy P không phải là cha sinh học của con bà Nguyễn Thị Kim N.

Tại Kết luận giám định số 3494/KL-KTHS ngày 25/7/2022 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an. Kết luận: Nguyễn Đăng Hữu V và Nguyễn Thị Kim N có quan hệ huyết thống cha - mẹ - con với bé trai gửi giám định.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKSTT, ngày 04/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T truy tố bị cáo Phạm Duy P về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ N quan điểm truy tố bị cáo đồng thời phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Phạm Duy P đã gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 38, khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự; Đề nghị xử phạt: bị cáo Phạm Duy P từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại nêu quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại như sau: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo. Về phía bị hại, bị hại đã được bị cáo bồi thường xong, hiện nay bị hại không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo xin lỗi bị hại và gia đình của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người

tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Duy P khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định được:

Bị hại Nguyễn Thị Kim N, theo Giấy xác nhận của Trạm y tế xã Hậu Thành, huyện Cái B, tỉnh Tiền G; Trích lục sổ theo dõi sản khoa của Trạm y tế xã Hậu Thành và theo Giấy khai sinh số 133/2011 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ H, huyện Cái B, tỉnh Tiền G cấp ngày 15/9/2011 đều thể hiện sinh ngày sinh ngày 01/01/2006. Tại thời điểm tháng 02/2021 cho đến cuối năm 2021, bị hại Nguyễn Thị Kim N là người chưa đủ 16 tuổi. Trong khi đó, bị cáo Phạm Duy P là người đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã lợi dụng bị hại Nguyễn Thị Kim N là người chưa đủ 16 tuổi, thiếu hiểu biết về tâm sinh lý đã thực hiện hành vi giao cấu với N 03 lần vào ngày 27/02/2021 tại phòng số 02, nhà nghỉ “Bình N” thuộc ấp Đông N, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long A. Từ ngày 05/6/2021 đến cuối năm 2021, tại nhà ông Nguyễn Văn T (cha ruột bị hại N) thuộc ấp Mỹ Chánh B, xã Mỹ H, huyện Cái B, tỉnh Tiền G, P và N thực hiện hành vi giao cấu với nhau khoảng 05-06 lần. Thời điểm P giao cấu với N lần đầu tiên vào ngày 27/02/2021, N mới 15 tuổi 01 tháng 26 ngày. Hành vi của Phạm Duy P đã phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại Điều 145 Bộ luật hình sự .

[3] Bị cáo đã ba lần thực hiện hành vi giao cấu với bị hại tại nhà trọ Bình N và 05-06 lần tại nhà của bị hại nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp định khung hình phạt “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

[4] Ngoài giao cấu với bị cáo Phạm Duy P, bị hại còn khai nhận đã giao cấu với Đặng Hữu Vinh tại nhà của Vinh tại ấp Hòa Phúc, xã Hòa K, huyện Cái B, tỉnh Tiền G vào tháng 9/2020 và tháng 12/2020. Ngày 14/9/2021, bị hại sinh 01 bé trai.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về ADN số 3.074-2022/ADN ngày 01/4/2022 của Trung tâm pháp y thành phố Hồ Chí Minh. Kết luận: Phạm Duy P không phải là cha sinh học của con bà Nguyễn Thị Kim N.

Tại Kết luận giám định số 3494/KL-KTHS ngày 25/7/2022 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an. Kết luận: Nguyễn Đăng Hữu V và Nguyễn Thị Kim N có quan hệ huyết thống cha - mẹ - con với bé trai gửi giám định.

Như vậy, kết luận giám định xác định cháu bé do bị hại sinh ra có quan hệ huyết thống với Nguyễn Đăng Hữu V, không có quan hệ huyết thống với mà. Kết luận giám định phù hợp với lời khai của bị cáo, của bị hại, của Nguyễn Đăng Hữu V, ngày sinh của cháu bé do bị hại sinh ra cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, bị cáo không chịu tình tiết định khung hình phạt “Làm nạn nhân có thai” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự.

[5] Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long A truy tố bị cáo Phạm Duy P với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị hại chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý và sức khỏe, nhất là cơ quan sinh dục, do đó hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho sự phát triển bình thường của bị hại, đặc biệt, gây tác hại đến sự phát triển đạo đức, nhân cách; ảnh hưởng đến danh dự, phẩm giá của bị hại cả hiện tại và sau này. Do đó, cần thiết xử lý bị cáo bằng một hình phạt thoả đáng mới có thể giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo:

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bản thân chấp hành tốt các quy định của pháp luật ở địa P nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự: Bị cáo Phạm Duy P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã tác động mẹ ruột tên Trương Thị Trúc L1 bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 20.000.000đ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự và có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ điều kiện áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[7] Căn cứ tính chất, mức độ ảnh hưởng của hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo; nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, xét thấy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Phạm Duy P là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Xét quan điểm, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có cơ sở nên cần ghi nhận.

[8] Sau khi sự việc phạm tội xảy ra, bị cáo Phạm Duy P đã bị bắt tạm giam từ ngày 14/6/2022 cho đến nay. Xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[9] Đối với Nguyễn Đăng Hữu V có hành vi giao cấu với Nguyễn Thị Kim N, xảy ra tại ấp Hòa Phúc, xã Hòa K, huyện Cái B, tỉnh Tiền G và hành vi của Nguyễn Văn T, Đoàn Thị L, Trương Thị Trúc L1 có đã tổ chức cho Phạm Duy P và Nguyễn Thị Kim N sống chung như vợ chồng với nhau, xảy ra tại ấp Mỹ Chánh B, xã Mỹ H, huyện Cái B, tỉnh Tiền G trong khi N chưa thành niên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân T, tỉnh Long A đã chuyển tin báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cái B, tỉnh Tiền G giải quyết theo thẩm quyền.

[10] Trong quá điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân T đã thu giữ, tạm giữ và xử lý tài liệu, đồ vật như sau:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy A71 màu trắng bạc, số Seri: R58J630NTFV, số IMEI 1: 355079086942260, số IMEI 2: 355080086942268 đã qua sử dụng, có gắn thẻ sim số thuê bao 0329644214 là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thị Kim N.

- 01 điện thoại di động hiệu Apple- Iphone 11 màu đỏ, số Seri: DNPZ9NGYN737, số IMEI: 353988101557634, đã qua sử dụng, có gắn thẻ sim số thuê bao 0708078096 là tài sản hợp pháp của Phạm Duy P.

Các tài sản trên không có liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại điện thoại của Nguyễn Thị Kim N do N nhận; điện thoại của Phạm Duy P do bà Trương Thị Trúc L1 (mẹ ruột bị cáo P) đại diện nhận là phù hợp quy định của pháp luật.

[11] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi sự việc xảy ra, bị hại Nguyễn Thị Kim N và người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần, danh dự, nhân phẩm số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo đã tác động mẹ ruột tên Trương Thị Trúc L1 bồi thường, khắc phục hậu quả xong số tiền 20.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Mẹ của bị cáo là bà Trương Thị Trúc L1 cũng không yêu cầu đối với bị cáo về số tiền 20.000.000 đồng mà bà đã bồi thường cho bị hại thay bị cáo nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo Phạm Duy P phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Duy P phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Phạm Duy P 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 14/6/2022.

3. Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Duy P 45 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2022) để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Duy P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng các điều 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự;

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người mà mình bảo vệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Long An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *VKSND tỉnh Long A;*
- *Sở tư pháp tỉnh Long A*
- *VKSND huyện Tân T;*
- *CA huyện Tân T;*
- *Chi cục THADS huyện Tân T;*
- *Bị cáo; Dương sự;*
- *Lưu hồ sơ*

Nguyễn Thị Ngọc A

